

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮKMIL
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST

Ngày: 11/9/2023

*V/v tranh chấp hợp đồng vận
chuyển tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL - TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Danh L; sinh năm 1976; Chủ DNTN H; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- Bị đơn: 1. Ông L Văn A; sinh năm 1995; địa chỉ: TDP5, TT Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn T; sinh năm 1990; địa chỉ: Bon K, xã H, huyện G, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị H; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, lời khai của nguyên đơn anh Đặng Danh L, trình bày:

Thông qua anh Nguyễn Văn L giới thiệu anh 0 biết ông L Văn A có xe tải chuyên chở hàng thuê từ Sài Gòn về Đắk Nông hoặc nơi khác theo yêu cầu của người thuê. Anh Đặng Danh L kinh doanh, buôn bán vật liệu xây dựng nên cần xe

chở hàng hóa từ Sài Gòn về kho tại huyện Đ. Vì vậy ngày 07/09/2022 anh Đặng Danh L có lô hàng tại Công ty Vn- Steel; địa chỉ: 425 G, phường Đ B, quận T, Tp. Hồ Chí Minh, chủ Công ty là Lê Đình L, lô hàng này gồm sắt cây và sắt cuộn. Qua thỏa thuận anh Đặng Danh L mua lô hàng này gồm: Sắt D6 - Việt Mỹ: 5000 kg x 14.200 đồng/kg = 71.000.000 đồng; sắt D6 - Pomina: 5000 kg x 15.050 đ/kg = 75.250.000 đồng; sắt D10 - Pomina: 100 cây x 90.600 đ/cây = 9.060.000 đồng; sắt D12 - Pomina: 100 cây x 148.000 đ/cây = 14.800.000 đồng; sắt D14 - Pomina: 100 cây x 207.900 đ/cây = 20.790.000 đồng; sắt D16 - Pomina: 100 cây x 269.300 đ/cây = 26.930.000 đồng. Tổng cộng thành tiền: 217.830.000 đồng (*Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*). Cùng ngày 07/09/2022 anh Đặng Danh L đã chuyển khoản cho Công ty Vn- Steel trước 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Anh Đặng Danh L có thỏa thuận và thuê xe của ông L Văn A xuống kiểm tra hàng, nhận hàng, ký vào hóa đơn nhận hàng đầy đủ chính xác theo đơn hàng do Công ty giao và chở hàng về cho anh Đặng Danh L tại kho. Ông L Văn A phải chịu trách nhiệm nhận hàng từ công ty cho đến khi bàn giao hàng cho ông L tại huyện T, thì ông L sẽ trả tiền công theo thỏa thuận khoảng 8.000.000 đồng và được anh A đồng ý. Cùng ngày 07/09/2022 ông L chuyển khoản thêm cho Công ty Vn- Steel số tiền 146.250.000 đồng và 66.500.000 đồng để được nhận hàng theo thỏa thuận mua bán giữa hai bên. Khi nhận đủ tiền Công ty Vn- Steel đã lập hóa đơn giao hàng cho ông L Văn A kiểm tra hàng và ký nhận hàng (có hóa đơn kèm theo). Trong quá trình vận chuyển (ông L không được biết) ông L Văn A đã tự ý thêm xe vận tải khác để cùng với xe của anh A chở hàng cho ông L như đã thỏa thuận trước đó. Khi xe chở hàng về đến kho Tuy Đức ông L kiểm hàng, nhận hàng và thanh toán tiền công thì phát hiện số hàng hóa trên 02 xe bị thiếu, cụ thể như sau: Sắt D12 - Pomina: thiếu 30 cây x 148.000đ/cây = 4.440.000 đồng; Sắt D14 - Pomina: thiếu 46 cây x 207.900đ/cây = 9.563.400 đồng; sắt D16 - Pomina: thiếu 50 cây x 269.930.000đ/cây = 13.465.000 đồng; sắt D6 – Việt Mỹ: thiếu 1.922kg x 14.200đ/kg = 27.292.400 đồng; sắt D6 - Pomina: thiếu 3.000 kg x 15.050 đ/kg = 45.150.000 đồng. Tổng thành tiền: 99.910.800 đồng (*Chín mươi chín triệu chín trăm mười nghìn tám trăm đồng*). Khi kiểm tra ông L thấy thiếu số lượng hàng so với trong hóa đơn mà anh A đã ký nhận với công ty. Ông L có gọi điện cho anh A yêu cầu anh A đến đối chiếu số hàng hóa bị thiếu thì anh A không hợp tác. Người chạy xe chở hàng thứ hai cho anh A là anh Nguyễn T thì đồng ý lập biên bản kiểm tra nhưng không đồng ý chịu trách nhiệm về việc thiếu hàng hóa (Do khi anh Nguyễn T tới để bốc hàng lên xe thì anh A đã nhận hàng và ký nhận hàng hóa với Công ty đã xong). Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông L bị xâm phạm, ông L làm đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đối với ông L Văn A và anh Nguyễn T, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil buộc ông L Văn A và anh Nguyễn T phải trả lại cho ông L số hàng hóa bị thiếu theo hóa đơn mà anh A đã ký nhận với Công ty Vn- Steel tương ứng với số tiền 99.947.843 đồng, trong đó ông L Văn A phải trả 47.019.993 đồng, anh Nguyễn T phải trả 52.887.850 đồng theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa ông Đặng Danh L xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh A về yêu cầu bồi thường sắt cuộn là 47.019.993 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với anh T về yêu cầu bồi thường sắt cuộn là

25.419.450 đồng, chỉ còn lại yêu cầu anh T bồi thường số tiền 27.468.400 đồng là giá trị sắt cây bị thiếu.

Theo lời khai bị đơn ông L Văn A trình bày: Ông L Văn A là tài xế chạy tuyến Đăk Nông - Sài Gòn qua quen biết được ông Nguyễn Văn L sinh năm 1991 ở xã J, huyện S, Đăk Nông giới thiệu chở thuê cho ông Đặng Danh L khối lượng 10 tấn sắt và anh A đã đồng ý nhưng sau đó ông Đặng Danh L có gọi điện và nói có gần 20 tấn sắt bao gồm cả sắt cuộn phi 6 và sắt dài 6m, anh A đã trình bày là xe anh A dài 5m8 nên chỉ nhận chở sắt cuộn còn sắt dài không nhận và yêu cầu ông L tìm thêm xe. Sau khi xuống tới Sài Gòn anh A liên lạc cho ông L và xin số điện thoại người giao hàng thì ông L bảo đến tối mới bốc hàng được vì sợ đường nhỏ xe không vào được khi chạy đến vị trí giao hàng thì anh A nhận được số của anh T sinh năm 1990 do anh L điều tới để chở số sắt còn lại cùng với anh A và bảo anh A gửi vị trí cho anh T chạy lên để bốc hàng. Trong lúc đợi anh T chạy lên bốc hàng anh A và phụ xe của anh là anh Nguyễn Văn A sinh năm 1994 ký nhận toàn bộ số sắt mà ông L yêu cầu vận chuyển. Sau khi anh T chạy đến thì anh A cho xe của người giao hàng cầu sắt cuộn lên và đóng cửa xe để về. Sau khi anh T tới anh A đếm số lượng và nói anh T kiểm tra lại trước khi ra về. Sáng hôm sau anh A giao sắt cuộn cho ông L đầy đủ xong nhận tiền cước ra về khoảng 2h chiều cùng ngày ông L có gọi điện cho anh A và báo sắt dài 6m do xe của anh T chở bị thiếu và yêu cầu anh A sang giải quyết. Quan điểm của anh A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì anh A đã giao đủ 04 cuộn sắt, nhận đủ tiền cước vận chuyển, 03 ngày sau ông L mới cân sắt và báo thiếu thì anh A không chịu trách nhiệm. Anh A không thừa nhận mình là người thuê anh T cùng chở hàng mà do bên dịch vụ vận tải Bảo Long gửi số của anh T cho anh A liên lạc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị H trình bày: Sự việc vận chuyển hàng của anh A cho gia đình bà H thì do ông L (chồng bà H) làm việc với anh A, còn bà H chỉ chuyển tiền cho bên bán. Nhưng bà H biết ông L chỉ thuê anh A còn anh T là do anh A thuê. Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 08/9/2022 anh A giao hàng tại kho nhà bà H. Bà H là người nhận hàng, không cân do nhà bà H không có cân điện tử, chỉ đếm cuộn theo mã số trên phiếu giao hàng, đủ số lượng 4 cuộn. Anh A giao hàng xong là đến lượt anh T về giao hàng (Sắt cây và 02 cuộn sắt cuộn). Trong lúc anh T giao hàng thì anh A vào gặp bà H lấy toàn bộ số tiền cước của 2 xe là 7.500.000 đồng (14 tấn sắt) và đi về trước, nói sẽ tự chia tiền cước cho anh T. Khi nhận hàng từ xe anh T, kiểm đếm thấy thiếu sắt cây nên vợ chồng bà H nghi ngờ hai ngày sau tiến hành cân sắt cuộn. Các cuộn sắt do anh A, anh T chở không được niêm phong. Quan điểm của bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù việc kinh doanh của vợ chồng là chung nhưng bà H không yêu cầu bồi thường chung cho vợ chồng, chỉ bồi thường tiền cho ông L là được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian mở phiên tòa không vi phạm quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu không vi phạm quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn Lâm Văn A, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn Nguyễn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập làm việc, hòa giải, xét xử quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147; khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 530, 534, 541 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn T phải bồi thường cho ông Đặng Danh L số tiền 27.468.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Danh L về việc buộc bị đơn Lâm Văn A bồi thường số tiền 47.019.993 đồng; buộc anh Nguyễn T bồi thường số tiền 25.419.450 đồng.

Buộc anh Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Đặng Danh L khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do vận chuyển tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Một trong hai bị đơn là ông L Văn A cư trú tại TDP 5, TT Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Đối với bị đơn Lâm Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Nguyễn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp, trình bày của các đương sự thể hiện anh Lâm Văn A chở hàng là 04 cuộn sắt, anh Nguyễn T chở hàng là 02 cuộn sắt và 400 cây sắt cho ông L thông qua dịch vụ vận tải B giới thiệu. Anh A đã vận chuyển 04 cuộn sắt về giao đủ cho cửa hàng ông L, nhận tiền cước nên việc vận chuyển hàng hóa theo thỏa thuận giữa ông L và anh A đã thực hiện xong. Ông L thừa nhận nhiều ngày sau khi nhận hàng mới tiến hành cân lại sắt cuộn vì cửa hàng của ông L không có cân điện tử. Như vậy ông L không có căn cứ chứng minh số sắt cuộn bị thiếu là lỗi của anh A, anh T. Đối với việc vận chuyển tài sản của anh T, khi anh T giao hàng cho ông L thì bị thiếu 126 cây sắt các loại (Phi 12 thiếu 30 cây; phi 14 thiếu 46 cây, phi 16 thiếu 50 cây) so với hóa đơn bán hàng của bên bán mà anh A đã ký nhận, sự việc này bà H đã lập biên bản và anh T ký xác nhận. Mặc dù anh A là người ký nhận tài sản về mặt giấy tờ nhưng 02 cuộn sắt và 400 cây sắt anh T trực tiếp nhận và vận chuyển về cửa hàng của ông L nên anh T phải là người chịu trách nhiệm đối với số hàng hóa mà anh T vận chuyển. Theo văn bản báo giá và hóa đơn thanh toán của ông L thì giá trị của 126 cây sắt là 27.468.400 đồng, do đó cần buộc anh T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông L số tiền 27.468.400 đồng là có căn cứ quy định tại Điều 534 của Bộ luật dân sự.

Điều 534 của Bộ luật dân sự quy định: ***Nghĩa vụ của bên vận chuyển:***

1. *Bảo đảm vận chuyển tài sản đầy đủ, an toàn đến địa điểm đã định, theo đúng thời hạn.*
2. *Giao tài sản cho người có quyền nhận.*
3. *Chịu chi phí liên quan đến việc chuyên chở tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*
4. *Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.*
5. *Bồi thường thiệt hại cho bên thuê vận chuyển trong trường hợp bên vận chuyển để mất, hư hỏng tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

Theo biên bản làm việc tại Công an huyện Đ thì anh T thừa nhận anh T thông qua dịch vụ vận tải B để nhận chở hàng cho ông L. Ông L, anh T không có chứng cứ chứng minh anh A là người thuê anh T chở hàng nên không có căn cứ buộc anh A chịu trách nhiệm liên đới với anh T trong việc bồi thường thiệt hại cho ông L.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của ông L về việc buộc bị đơn Lâm Văn A bồi thường số tiền 47.019.993 đồng; buộc anh Nguyễn T bồi thường số tiền 25.419.450 đồng. Tại phiên tòa ông L đã rút yêu cầu, xét việc rút yêu cầu của

ông L là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên HĐXX cần chấp nhận đình chỉ đối với yêu cầu đã rút.

Đối với bà Bùi Thị H không yêu cầu bồi thường cho vợ chồng mà chỉ yêu cầu bồi thường cho ông L, xét trình bày của bà H là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 121; Điều 144, Điều 147; khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 468, Điều 530, Điều 534, Điều 541 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Danh L - Chủ DNTN H.

Buộc anh Nguyễn T phải bồi thường cho ông Đặng Danh L số tiền 27.468.400 đồng (*Hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Đặng Danh L về việc buộc bị đơn Lâm Văn A bồi thường số tiền 47.019.993 đồng; buộc anh Nguyễn T bồi thường số tiền 25.419.450 đồng.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn T phải chịu 1.373.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Đặng Danh L số tiền 2.498.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007109 ngày 20/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phan Thị Trúc Linh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

